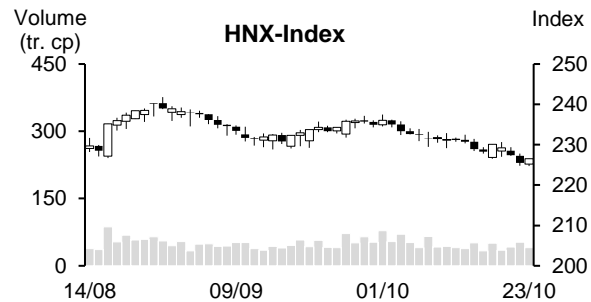
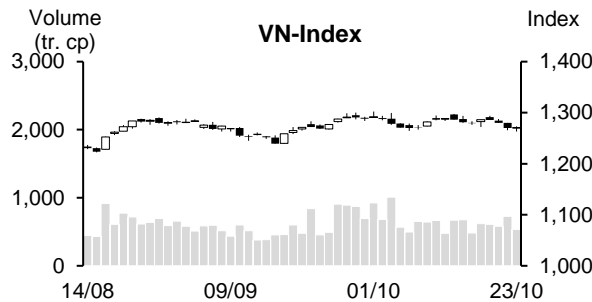


23/10/2024	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,270.90	0.08%	1,349.72	0.06%	226.50	0.44%
<b>Tổng KLGD (tr. cp)</b>	<b>590.13</b>	<b>-25.71%</b>	<b>257.45</b>	<b>-16.93%</b>	<b>40.81</b>	<b>-31.86%</b>
<b>KLGD khớp lệnh (tr. cp)</b>	<b>536.12</b>	<b>-26.45%</b>	<b>225.55</b>	<b>-22.97%</b>	<b>40.11</b>	<b>-24.14%</b>
TB 20 phiên (tr. cp)	673.85	-20.44%	272.78	-17.32%	49.89	-19.60%
<b>Tổng GTGD (tỷ VND)</b>	<b>14,059</b>	<b>-26.41%</b>	<b>7,982</b>	<b>-17.81%</b>	<b>663</b>	<b>-56.36%</b>
<b>GTGD khớp lệnh (tỷ VND)</b>	<b>12,871</b>	<b>-26.68%</b>	<b>7,170</b>	<b>-20.33%</b>	<b>653</b>	<b>-34.34%</b>
TB 20 phiên (tỷ VND)	15,513	-17.03%	8,144	-11.96%	959	-31.91%
	Tỷ trọng %		Tỷ trọng %		Tỷ trọng %	
<b>Số mã tăng</b>	204	47%	14	47%	95	44%
<b>Số mã giảm</b>	156	36%	11	37%	62	29%
<b>Số mã đứng giá</b>	77	18%	5	17%	57	27%



## ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường đảo chiều tăng nhẹ trở lại sau 3 phiên giảm liên tiếp. VN-Index tiếp tục điều chỉnh trong nửa đầu phiên sáng với áp lực chính từ bộ đôi VHM và BID. Đáng chú ý, động thái bán tháo của VHM diễn ra ngay trong ngày đầu tiên cổ phiếu này thực hiện việc mua vào cổ phiếu quỹ. Đà giảm của thị trường sau đó đã dần được thu hẹp trước khi đóng cửa với sắc xanh nhẹ nhờ vào dòng tiền bắt đáy đồng thuận của nhóm cổ phiếu bất động sản cùng một vài trụ cột ngân hàng. Độ rộng thị trường cũng đảo chiều nghiêng về bên mua. Tuy nhiên, tín hiệu lực cầu tham gia chưa thực sự mạnh mẽ, bằng chứng là thanh khoản giảm so với phiên trước và thấp hơn mức bình quân. Về giao dịch khối ngoại, khối này đã giảm áp lực bán ròng trong phiên hôm nay, chủ yếu đến từ bán ròng của sàn HNX.

## GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Về mặt kỹ thuật, đồ thị VN-Index xuất hiện nến rút chân khi cố gắng phá đáy 1264 nhưng chưa thành công, khả năng có thể sẽ hồi phục trở lại 1-2 phiên. Chúng tôi nhận thấy rằng trong vùng này, tín hiệu cho thấy phe bán đã kiểm soát thế trận tại đây, do đó cần chú ý khả năng chỉ là nhịp bull trap trước khi giảm trở lại. Vùng cản gần ở 1280-1294. Đối với chỉ số HNX-Index, tín hiệu có nền hồi phục trở lại tốt hơn, tuy vậy cũng chỉ là một nền tăng thân nhỏ kèm khối lượng thấp, cho thấy lực cầu còn yếu. Chỉ số có thể sẽ hồi phục lại 1-2 phiên nhưng khả năng sẽ sớm quay lại xu hướng giảm. Vùng cản gần ở 229-230. Chiến lược chung nên tận dụng các phiên hồi phục để hạ tỷ trọng về mức thấp và đứng ngoài quan sát.

Cổ phiếu khuyến nghị: Chốt lời QNS

(Xem chi tiết ở trang 2)

**DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT****Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	QNS	Chốt lời	24/10/2024	49.10	48.77	0.7%	54.0	10.7%	47.3	-3.0%	Tín hiệu suy yếu, khả năng còn tích lũy

**Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị**

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	MSN	Mua	26/09/2024	79.40	75.50	5.2%	85	12.6%	72.5	-4.0%	
2	HAH	Mua	09/10/2024	42.10	41.45	1.6%	45	8.6%	39.7	-4%	
3	MWG	Mua	18/10/2024	65.70	65.80	-0.2%	70	6.4%	63	-4%	

## TIN TỨC TRONG NGÀY

### Tin trong nước

#### **Xuất nhập khẩu vượt 600 tỉ USD, dự báo sẽ còn nhiều kỷ lục**

Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính) cho biết, tính từ đầu năm đến 15.10, tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước đạt 315,9 tỉ USD, tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 294,66 tỉ USD. Như vậy, tính đến 15.10, quy mô kim ngạch xuất nhập khẩu cả nước đạt 610,56 tỉ USD. Cán cân thương mại thặng dư 21,24 tỉ USD.

Theo Hiệp hội Rau quả Việt Nam (Vinafruit), xuất khẩu rau quả của Việt Nam tiếp tục xác lập con số kỷ lục trong 9 tháng qua khi đã vượt mốc 5,6 tỉ USD, tăng gần 34% so với cùng kỳ năm trước. Xuất khẩu rau quả 9 tháng năm 2024 đã bằng kim ngạch của cả năm 2023 và sẽ tăng mạnh trong quý cuối của năm nay. Nhiều chuyên gia nhận định, xuất khẩu rau quả nhiều khả năng vượt mốc 6 tỉ USD.

Ông Vũ Đức Giang - Chủ tịch Hiệp hội Dệt may Việt Nam dự báo, xuất nhập khẩu hàng dệt may của Việt Nam sẽ tiếp tục khả quan trong những tháng tới, bởi theo yếu tố chu kỳ thì nhu cầu hàng hóa thường tăng mạnh vào những tháng cuối năm. Các thị trường xuất khẩu chủ lực đang âm dần và đã tăng trưởng trở lại như Mỹ, Hàn Quốc, Nhật Bản, Canada... Mục tiêu xuất khẩu 44 tỉ USD của dệt may Việt Nam năm 2024 là khả thi.

Với tình hình đơn hàng hiện tại và nhìn vào tốc độ tăng tốc nhập khẩu nguyên liệu đầu vào, thì trong cả năm 2024 khả năng Việt Nam sẽ chạm mốc 800 tỉ USD xuất nhập khẩu, vượt xa mức kỷ lục xuất nhập khẩu 732 tỉ USD vào năm 2022.

#### **Tỷ giá USD tăng nhanh và mạnh, tiền sát đỉnh lịch sử**

Trong phiên giao dịch hôm nay (23/10), tỷ giá trung tâm được Ngân hàng Nhà nước tăng thêm 10 đồng lên mức 24.250 VND/USD. Áp dụng biên độ 5%, hiện tỷ giá USD các ngân hàng thương mại được phép giao dịch là từ 23.038 - 25.463 VND/USD.

Đây là phiên thứ 7 liên tiếp tỷ giá trung tâm được điều chỉnh tăng. Riêng từ đầu tuần đến nay, tỷ giá trung tâm đã tăng thêm 37 đồng. Tỷ giá bán cũng được Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước tăng 10 đồng, lên mức 25.412 VND/USD.

Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá chốt phiên 22/10 ở mức 25.406 VND/USD, tăng mạnh 96 đồng so với phiên 21/10. Tính từ đầu tháng 10 đến nay, tỷ giá USD trên thị trường liên ngân hàng đã tăng gần 850 đồng, tương đương 3,4%.

Tỷ giá USD/VND niêm yết tại các ngân hàng cũng liên tục tăng mạnh và tiệm cận tỷ giá trần trong những phiên gần đây dù NHNN đều đặn nâng tỷ giá trung tâm. Theo đó, tất cả ngân hàng lớn hiện đều niêm yết giá bán USD tại mức 25.462 VND/USD, chỉ thấp hơn 1 đồng so với tỷ giá trần được phép giao dịch.

Tính từ đầu tháng 10 đến nay, giá USD tại các ngân hàng tăng khoảng 720 đồng, tương đương mức tăng 2,9%, qua đó đưa tổng mức mất giá từ đầu năm của đồng VND so với USD lên 4,3%. Đồng thời, giá USD niêm yết tại các ngân hàng đều đã tiến sát mức đỉnh lịch sử gần 25.500 đồng được tạo lập vào tháng 4/2024.

#### **TP. Hồ Chí Minh: Huy động vốn đạt hơn 3,8 triệu tỷ đồng trong 9 tháng**

Theo Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, Đến cuối tháng 9/2024, tổng huy động vốn trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh đạt trên 3,8 triệu tỷ đồng, tăng 7,76% so với cuối năm và tăng 13,2% so với cùng kỳ. Trong đó, tiền gửi bằng đồng Việt Nam (VND) chiếm 90% so với tổng tiền gửi của các tổ chức tín dụng trên địa bàn.

Nguồn: Fireant, Cafef, VnEconomy

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **ACB muốn phát hành lượng trái phiếu nhiều kỷ lục**

Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu (ACB) đã thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 3 năm 2024 với tổng quy mô tối đa 15.000 tỷ đồng. Theo đó, ACB sẽ phát hành tối đa 150.000 trái phiếu trong 15 đợt với mệnh giá 100 triệu đồng/trái phiếu hoặc bội số của 100 triệu đồng. Giá phát hành bằng mệnh giá. Đây là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản và không phải là nợ thứ cấp của ACB. Trái phiếu có kỳ hạn tối đa 5 năm và có lãi suất cố định hoặc thả nổi tùy thuộc theo nhu cầu của thị trường.

Trước đó, HĐQT ACB cũng đã thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ lần 1 và lần 2 năm 2024 với quy mô phát hành tối đa mỗi đợt là 15.000 tỷ đồng. Như vậy, dự kiến trong năm 2024, ACB sẽ phát hành lượng trái phiếu lên tới 45.000 tỷ đồng – mức cao kỷ lục trong lịch sử hoạt động của nhà băng này.

### **Lợi nhuận quý 3/2024 của Hóa chất Đức Giang (DGC) giảm 7%, gửi thêm 1.400 tỷ vào ngân hàng sau một quý**

Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (mã chứng khoán: DGC) ghi nhận doanh thu quý 3/2024 tăng 4% so với cùng kỳ năm 2023 đạt 2.558 tỷ đồng. Sau khi trừ giá vốn, công ty lãi gộp 881 tỷ đồng, tăng 5% so với cùng kỳ năm ngoái. Biên lợi nhuận gộp ở mức 34,4%.

Doanh thu hoạt động tài chính giảm 26% còn hơn 150 tỷ đồng do lãi tiền gửi giảm. Chi phí tài chính, chi phí bán hàng tăng trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp không đổi. Kết quả, Hóa chất Đức Giang lãi ròng 706 tỷ đồng trong quý 3/2024, giảm hơn 7% so với năm ngoái. EPS giảm từ 1.884 đồng về còn 1.747 đồng.

Lũy kế 9 tháng đầu năm, Hóa chất Đức Giang có doanh thu tăng nhẹ lên mức 7.447 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế giảm 7% so với cùng kỳ, còn 2.322 tỷ đồng. Theo kế hoạch năm 2024, ban lãnh đạo tập đoàn đặt mục tiêu doanh thu 10.202 tỷ và có lợi nhuận sau thuế 3.100 tỷ đồng. Với kết quả trên, đơn vị đã hoàn thành 73% chỉ tiêu doanh thu và gần 74% chỉ tiêu lợi nhuận sau 3 quý.

### **Sợi Thế Kỷ lãi quý 3 cao nhất lịch sử, xóa hết lỗ nửa đầu năm**

Quý 3/2024, CTCP Sợi Thế Kỷ (HOSE: STK) ghi nhận hơn 307 tỷ đồng doanh thu, giảm 19% so với cùng kỳ năm trước. Nhờ giá nguyên liệu đầu vào giảm trong khi giá bán bình quân tăng giúp biên lãi gộp của Công ty cải thiện từ mức 15% cùng kỳ lên 17%.

Doanh thu tài chính tăng 60% lên 11 tỷ đồng, cùng với khoản hoàn nhập chênh lệch tỷ giá là yếu tố chính giúp Công ty lãi ròng gần 82 tỷ đồng, gấp gần 5 lần cùng kỳ. Đây cũng là mức lợi nhuận hàng quý cao nhất của Doanh nghiệp từ trước đến nay.

Nhờ đó, khoản lỗ nửa đầu năm được bù đắp và lãi ròng 9 tháng ở mức 27 tỷ đồng, giảm 52% so với cùng kỳ. So với mục tiêu lãi sau thuế 301 tỷ đồng năm 2024, Sợi Thế Kỷ mới thực hiện được 9% kế hoạch năm.

Nguồn: Cafef, Vietstock

**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG****Thống kê giao dịch khớp lệnh****TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VIC	43,200	2.37%	0.07%
FPT	134,200	0.83%	0.03%
STB	35,800	2.29%	0.03%
TPB	17,650	2.02%	0.02%
MSN	79,400	0.63%	0.01%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
DNP	21,000	6.60%	0.06%
IDC	54,400	0.93%	0.05%
MBS	29,100	1.04%	0.05%
PVS	38,300	0.79%	0.05%
CEO	15,300	1.32%	0.03%

**TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
VHM	47,000	-2.59%	-0.10%
BID	48,400	-0.72%	-0.04%
HPG	26,450	-0.75%	-0.02%
VPB	20,450	-0.73%	-0.02%
GVR	33,500	-0.74%	-0.02%

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	Tác động %
SHS	14,500	-0.68%	-0.03%
VCS	63,900	-0.62%	-0.02%
NVB	8,900	-1.11%	-0.02%
SHN	6,400	-5.88%	-0.02%
HGM	80,200	-4.64%	-0.02%

**TOP 5 KHỐI LƯỢNG KHỚP LỆNH**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
VHM	47,000	-2.59%	33,358,000
VIB	18,700	-0.27%	24,230,102
DXG	16,600	2.47%	22,456,087
TPB	17,650	2.02%	18,025,064
TCB	24,200	0.00%	16,768,636

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	KL KL (cp)
SHS	14,500	-0.68%	9,260,677
CEO	15,300	1.32%	5,344,196
VFS	15,200	1.33%	1,877,284
PVS	38,300	0.79%	1,632,183
DDG	3,000	7.14%	1,507,680

**TOP 5 GIÁ TRỊ KHỚP LỆNH**

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
VHM	47,000	-2.59%	1,570.2
VIB	18,700	-0.27%	449.7
STB	35,800	2.29%	427.0
FPT	134,200	0.83%	404.1
TCB	24,200	0.00%	403.3

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	Thay đổi %	GT KL (tỷ VND)
SHS	14,500	-0.68%	134.4
CEO	15,300	1.32%	82.3
PVS	38,300	0.79%	62.1
MBS	29,100	1.04%	41.5
VFS	15,200	1.33%	28.5

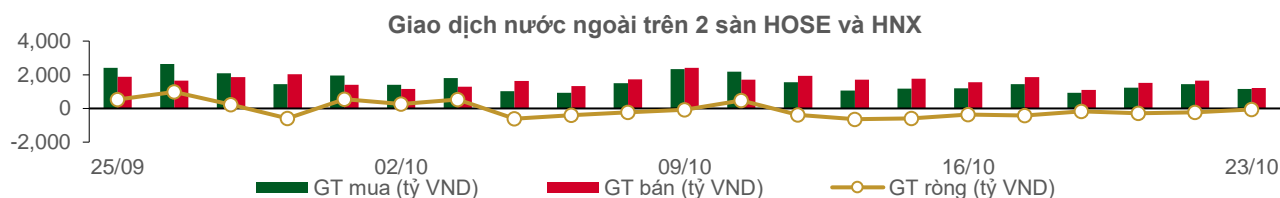
**Thống kê giao dịch thỏa thuận****TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**

HOSE		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
SSB	13,100,000	218.77
VHM	4,145,076	200.00
TPB	5,862,263	108.45
MWG	1,519,000	99.10
TCB	3,620,000	90.50

HNX		
Mã CK	KL thỏa thuận (cp)	GT thỏa thuận (tỷ VND)
PVC	380,000	5.13
PVI	66,100	3.11
PPT	90,000	1.08
IDJ	157,000	0.94

## Thông kê giao dịch khối ngoại

Sàn GD	KL nước ngoài mua (tr. cp)	GT nước ngoài mua (tỷ VND)	KL nước ngoài bán (tr. cp)	GT nước ngoài bán (tỷ VND)	KL mua/bán ròng (tr. cp)	GT mua/bán ròng (tỷ VND)
HOSE	37.64	1,143.05	36.95	1,132.87	0.69	10.17
HNX	0.86	18.92	4.54	86.65	(3.68)	(67.73)
<b>Tổng 2 sàn</b>	<b>38.50</b>	<b>1,161.96</b>	<b>41.49</b>	<b>1,219.52</b>	<b>(2.99)</b>	<b>(57.56)</b>



### TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
TCB	24,200	6,857,700	165.40
FPT	134,200	679,778	91.02
MWG	65,700	1,194,995	78.26
SSI	26,900	2,906,400	78.06
STB	35,800	2,051,200	72.20

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL mua (cp)	GT mua (tỷ VND)
CEO	15,300	379,500	5.81
IDC	54,400	60,400	3.26
VGS	35,300	51,600	1.79
BVS	39,800	39,900	1.57
MBS	29,100	46,900	1.35

### TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
VHM	47,000	2,337,800	110.22
FUEVFVND	33,200	2,620,200	86.16
HPG	26,450	3,095,385	82.03
MWG	65,700	908,800	59.47
FPT	134,200	399,648	53.44

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL bán (cp)	GT bán (tỷ VND)
SHS	14,500	3,228,600	46.79
PVS	38,300	590,300	22.44
IDC	54,400	77,100	4.16
BVS	39,800	71,600	2.82
LAS	21,400	71,600	1.53

### TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
TCB	24,200	6,024,700	145.37
STB	35,800	1,600,320	56.25
MSN	79,400	475,542	37.68
SSI	26,900	1,400,700	37.67
FPT	134,200	280,130	37.58

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
CEO	15,300	306,200	4.69
VGS	35,300	38,500	1.34
CTP	37,500	11,300	0.41
DL1	6,300	41,000	0.25
MBS	29,100	7,700	0.22

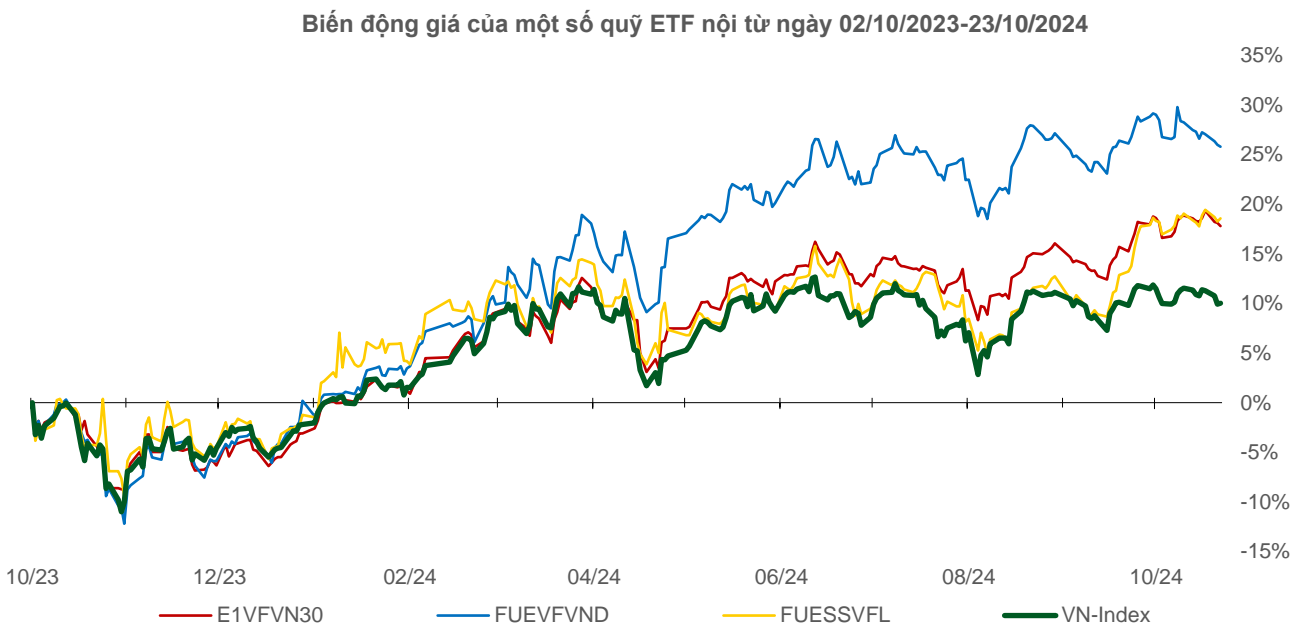
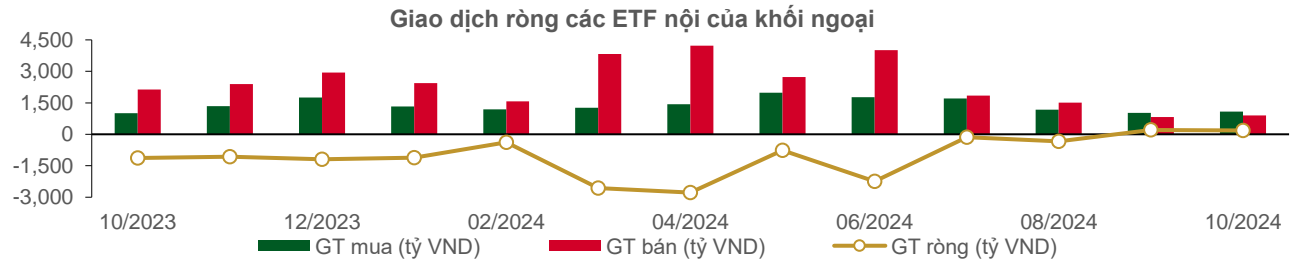
### TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI

HOSE			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
VHM	47,000	(1,854,700)	(87.40)
FUEVFVND	33,200	(2,187,500)	(71.90)
HPG	26,450	(2,134,858)	(56.55)
KBC	26,250	(1,135,700)	(29.86)
HDB	26,950	(1,023,345)	(27.37)

HNX			
Mã CK	Đóng cửa (VND)	KL ròng (cp)	GT ròng (tỷ VND)
SHS	14,500	(3,214,600)	(46.58)
PVS	38,300	(572,400)	(21.76)
LAS	21,400	(71,600)	(1.53)
BVS	39,800	(31,700)	(1.25)
VFS	15,200	(74,500)	(1.14)

**Thống kê giao dịch các chứng chỉ quỹ ETF nội**

THỐNG KÊ GIÁ					MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI			
Mã CK	Đóng cửa VND	Thay đổi (%)	KLGD (cp)	GTGD (tỷ VND)	Mã CK	GT mua (tỷ VND)	GT bán (tỷ VND)	GT ròng (tỷ VND)
E1VFN30	23,620	-0.3%	234,629	5.53	E1VFN30	3.99	0.14	3.84
FUEMAV30	16,210	0.0%	600	0.01	FUEMAV30	0.00	0.00	(0.00)
FUESSV30	16,870	0.2%	5,590	0.09	FUESSV30	0.00	0.07	(0.07)
FUESSV50	20,240	0.0%	9,700	0.19	FUESSV50	0.05	0.07	(0.02)
FUESSVFL	22,150	0.3%	137,901	3.02	FUESSVFL	0.24	2.37	(2.13)
FUEVFVND	33,200	-0.2%	3,110,254	102.31	FUEVFVND	14.26	86.16	(71.90)
FUEVN100	17,980	-0.3%	71,250	1.28	FUEVN100	0.00	1.09	(1.09)
FUEIP100	8,930	-0.2%	300	0.00	FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	9,000	-0.4%	500	0.00	FUEKIV30	0.00	0.00	(0.00)
FUEDCMID	11,950	1.2%	19,400	0.23	FUEDCMID	0.00	0.19	(0.19)
FUEKIVFS	13,080	1.1%	102	0.00	FUEKIVFS	0.00	0.00	0.00
FUEMAVND	13,830	0.4%	2,800	0.04	FUEMAVND	0.03	0.03	(0.01)
FUEFCV50	12,210	1.3%	5,006	0.06	FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	12,510	0.0%	0	0.00	FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
FUEKIVND	12,460	1.3%	100	0.00	FUEKIVND	0.00	0.00	0.00
FUEABVND	10,300	0.0%	0	0.00	FUEABVND	0.00	0.00	0.00
<b>Tổng cộng</b>			<b>3,598,132</b>	<b>112.78</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>18.57</b>	<b>90.15</b>	<b>(71.58)</b>



**Thông kê giao dịch chứng quyền có bảo đảm**

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CFPT2314	5,750	1.2%	39,480	76	134,200	5,621	(129)	86,350	8.6	07/01/2025
CFPT2317	3,630	0.8%	11,610	27	134,200	3,628	(2)	87,210	13.0	19/11/2024
CFPT2401	1,540	2.7%	81,560	42	134,200	1,283	(257)	124,770	8.6	04/12/2024
CHPG2332	240	-11.1%	246,480	15	26,450	165	(75)	25,910	5.5	07/11/2024
CHPG2333	440	-2.2%	57,570	43	26,450	192	(248)	26,360	5.5	05/12/2024
CHPG2334	380	0.0%	48,690	76	26,450	163	(217)	26,810	7.3	07/01/2025
CHPG2339	1,250	0.0%	5,260	71	26,450	485	(765)	27,470	1.8	02/01/2025
CHPG2342	590	-9.2%	7,580	27	26,450	514	(76)	21,820	9.1	19/11/2024
CHPG2402	1,420	1.4%	87,080	208	26,450	584	(836)	28,180	2.7	19/05/2025
CHPG2403	410	2.5%	37,650	132	26,450	129	(281)	30,500	4.0	04/03/2025
CHPG2405	20	-33.3%	16,820	20	26,450	0	(20)	33,000	2.0	12/11/2024
CMBB2315	1,610	-1.2%	182,480	76	25,250	1,487	(123)	19,570	3.9	07/01/2025
CMBB2402	2,070	0.0%	10,530	208	25,250	1,521	(549)	23,480	2.0	19/05/2025
CMBB2403	1,440	0.7%	14,890	42	25,250	1,224	(216)	23,000	2.0	04/12/2024
CMBB2404	1,820	-2.2%	48,700	132	25,250	1,314	(506)	23,500	2.0	04/03/2025
CMSN2317	520	-26.8%	7,530	71	79,400	269	(251)	86,870	8.0	02/01/2025
CMSN2401	1,110	9.9%	37,840	132	79,400	695	(415)	82,000	8.0	04/03/2025
CMSN2402	410	0.0%	90,850	20	79,400	242	(168)	83,000	5.0	12/11/2024
CMSN2403	410	5.1%	108,190	50	79,400	182	(228)	90,000	5.0	12/12/2024
CMWG2314	1,590	-1.2%	146,240	76	65,700	1,483	(107)	51,590	9.9	07/01/2025
CMWG2401	2,050	-2.4%	13,980	208	65,700	1,915	(135)	65,480	4.0	19/05/2025
CMWG2402	1,130	-0.9%	52,030	42	65,700	904	(226)	63,490	5.0	04/12/2024
CMWG2403	1,600	1.9%	8,870	132	65,700	1,312	(288)	64,490	5.0	04/03/2025
CPOW2315	490	-5.8%	9,550	71	12,250	124	(366)	13,460	2.0	02/01/2025
CSHB2306	750	25.0%	1,510	71	10,650	42	(708)	12,240	1.9	02/01/2025
CSTB2328	530	6.0%	182,460	76	35,800	466	(64)	33,000	8.0	07/01/2025
CSTB2333	1,380	2.2%	30,750	71	35,800	912	(468)	36,110	2.0	02/01/2025
CSTB2337	1,190	0.0%	19,250	27	35,800	1,265	75	27,000	7.0	19/11/2024
CSTB2402	2,410	4.8%	74,180	208	35,800	2,350	(60)	30,000	3.0	19/05/2025
CSTB2403	1,630	9.4%	22,620	42	35,800	1,487	(143)	30,000	4.0	04/12/2024
CSTB2404	1,680	3.1%	350,100	132	35,800	1,436	(244)	31,000	4.0	04/03/2025
CSTB2405	1,720	6.2%	46,190	20	35,800	1,721	1	32,500	2.0	12/11/2024
CSTB2407	900	3.5%	68,350	50	35,800	852	(48)	33,000	4.0	12/12/2024
CTCB2402	340	-2.9%	139,130	50	24,200	87	(253)	27,500	2.0	12/12/2024
CTPB2402	1,810	1.1%	100,450	42	17,650	1,686	(124)	15,020	1.6	04/12/2024
CVHM2318	700	-6.7%	890	71	47,000	125	(575)	53,460	5.0	02/01/2025
CVHM2402	2,230	-6.3%	73,030	132	47,000	1,737	(493)	41,500	4.0	04/03/2025
CVHM2403	1,870	-11.4%	110,870	42	47,000	1,691	(179)	40,500	4.0	04/12/2024
CVHM2404	1,760	-17.4%	94,050	20	47,000	1,769	9	40,000	4.0	12/11/2024
CVHM2405	1,020	-20.3%	163,270	50	47,000	827	(193)	45,000	4.0	12/12/2024
CVIB2305	480	0.0%	56,500	76	18,700	304	(176)	17,750	4.8	07/01/2025
CVIB2402	810	0.0%	54,770	208	18,700	492	(318)	20,510	1.7	19/05/2025
CVIB2404	30	0.0%	315,160	20	18,700	3	(27)	21,370	1.7	12/11/2024
CVIC2314	290	0.0%	1,280	71	43,200	43	(247)	54,570	5.0	02/01/2025
CVIC2401	570	14.0%	59,310	42	43,200	294	(276)	45,500	4.0	04/12/2024
CVIC2402	200	11.1%	243,100	50	43,200	100	(100)	50,000	4.0	12/12/2024
CVNM2311	280	-6.7%	15,620	76	67,300	30	(250)	75,820	9.5	07/01/2025
CVNM2315	260	0.0%	38,050	71	67,300	2	(258)	84,240	3.8	02/01/2025
CVNM2401	1,350	3.1%	68,590	208	67,300	827	(523)	63,830	7.7	19/05/2025
CVNM2402	440	-2.2%	8,440	42	67,300	188	(252)	68,180	7.7	04/12/2024
CVNM2403	130	0.0%	117,490	20	67,300	19	(111)	72,530	3.9	12/11/2024
CVPB2315	150	0.0%	136,240	76	20,450	85	(65)	22,170	5.4	07/01/2025

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



Bản tin chứng khoán

CVPB2319	540	-6.9%	32,600	71	20,450	169	(371)	22,740	1.8	02/01/2025
CVPB2401	1,290	-4.4%	60,730	208	20,450	1,109	(181)	19,940	1.9	19/05/2025
CVPB2402	1,030	-5.5%	66,990	42	20,450	865	(165)	19,000	2.0	04/12/2024
CVPB2403	1,450	0.0%	4,970	132	20,450	1,140	(310)	19,000	2.0	04/03/2025
CVPB2405	490	-3.9%	110,480	20	20,450	404	(86)	20,000	2.0	12/11/2024
CVPB2406	560	-9.7%	259,650	50	20,450	427	(133)	20,500	2.0	12/12/2024
CVRE2320	80	14.3%	16,310	71	18,650	0	(80)	32,330	2.0	02/01/2025
CVRE2401	250	-3.9%	20,660	42	18,650	38	(212)	21,500	4.0	04/12/2024
CVRE2402	300	0.0%	42,570	132	18,650	86	(214)	23,500	4.0	04/03/2025
CVRE2403	10	-50.0%	41,260	20	18,650	0	(10)	25,000	2.0	12/11/2024

(\*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(\*\*) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

## DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2024F (tỷ VND)
<a href="#">VPB</a>	HOSE	20,450	24,600	02/10/2024	13,698
<a href="#">SAB</a>	HOSE	56,000	70,700	26/09/2024	4,544
<a href="#">KDH</a>	HOSE	33,300	43,700	25/09/2024	835
<a href="#">CTG</a>	HOSE	35,050	40,200	18/09/2024	20,759
<a href="#">HPG</a>	HOSE	26,450	28,200	06/09/2024	16,149
<a href="#">PVT</a>	HOSE	27,800	31,650	26/08/2024	1,110
<a href="#">POW</a>	HOSE	12,250	15,900	23/08/2024	1,181
<a href="#">TCB</a>	HOSE	24,200	28,200	21/08/2024	23,965
<a href="#">DRI</a>	UPCOM	11,935	14,100	20/08/2024	103
<a href="#">TCM</a>	HOSE	45,950	58,500	14/08/2024	277
<a href="#">NT2</a>	HOSE	19,300	22,300	09/08/2024	73
<a href="#">VNM</a>	HOSE	67,300	76,100	07/08/2024	9,705
<a href="#">BMI</a>	HOSE	20,700	29,200	07/08/2024	375
<a href="#">IJC</a>	HOSE	13,400	17,300	06/08/2024	538
<a href="#">QNS</a>	UPCOM	49,095	58,500	02/08/2024	2,202
<a href="#">ANV</a>	HOSE	33,050	35,300	05/07/2024	145
<a href="#">DPR</a>	HOSE	38,900	44,600	02/07/2024	350
<a href="#">GEG</a>	HOSE	11,550	18,300	01/07/2024	1,463
<a href="#">GAS</a>	HOSE	70,900	82,900	03/06/2024	11,155
<a href="#">VHC</a>	HOSE	72,800	79,300	28/05/2024	1,117
<a href="#">BSR</a>	UPCOM	21,575	23,200	24/05/2024	5,111
<a href="#">CTD</a>	HOSE	66,800	87,500	24/05/2024	316
<a href="#">IMP</a>	HOSE	43,300	77,200	13/05/2024	383
<a href="#">DGC</a>	HOSE	111,000	118,800	08/05/2024	3,864
<a href="#">FMC</a>	HOSE	46,000	55,100	04/05/2024	343
<a href="#">PVD</a>	HOSE	25,850	31,000	02/05/2024	780
<a href="#">HDB</a>	HOSE	26,950	31,000	16/04/2024	13,140
<a href="#">STK</a>	HOSE	26,000	38,550	04/04/2024	132
<a href="#">MSB</a>	HOSE	12,850	20,700	19/03/2024	5,749
<a href="#">VIB</a>	HOSE	18,700	27,000	07/02/2024	9,843
<a href="#">VHM</a>	HOSE	47,000	63,300	26/01/2024	27,904
<a href="#">MSH</a>	HOSE	45,100	55,900	17/01/2024	318
<a href="#">SIP</a>	HOSE	71,600	83,400	10/01/2024	1,123
<a href="#">KBC</a>	HOSE	26,250	36,000	10/01/2024	1,647
<a href="#">IDC</a>	HNX	54,400	56,000	10/01/2024	2,212
<a href="#">VCB</a>	HOSE	91,500	87,329	10/01/2024	37,497
<a href="#">BID</a>	HOSE	48,400	55,870	10/01/2024	25,522
<a href="#">MBB</a>	HOSE	25,250	29,592	10/01/2024	23,926
<a href="#">TPB</a>	HOSE	17,650	24,130	10/01/2024	7,508
<a href="#">OCB</a>	HOSE	11,750	19,164	10/01/2024	4,880
<a href="#">ACB</a>	HOSE	25,400	31,952	10/01/2024	18,261
<a href="#">STB</a>	HOSE	35,800	34,494	10/01/2024	9,865

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

Bản tin chứng khoán

<a href="#">LPB</a>	HOSE	31,850	18,389	10/01/2024	4,731
<a href="#">SHB</a>	HOSE	10,650	16,146	10/01/2024	10,044
<a href="#">MWG</a>	HOSE	65,700	61,600	10/01/2024	2,325
<a href="#">FRT</a>	HOSE	172,000	119,200	10/01/2024	305
<a href="#">DGW</a>	HOSE	43,500	55,300	10/01/2024	665
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	93,800	101,000	10/01/2024	2,357
<a href="#">PLX</a>	HOSE	42,300	42,300	10/01/2024	4,395
<a href="#">PVS</a>	HNX	38,300	40,300	10/01/2024	1,136
<a href="#">NLG</a>	HOSE	39,300	40,600	10/01/2024	631
<a href="#">VRE</a>	HOSE	18,650	37,700	10/01/2024	4,252

Nguồn: PHS

\* Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

## Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10% ~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới -10%

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: 1900 25 23 58

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,  
Phường Tân Phú, Quận 7,  
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 4 & 5, D&D Tower, 458  
Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2,  
Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04  
Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung  
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend  
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận  
Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor,  
127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng,  
Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần  
Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải  
Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby,  
81-83-83B-85 Hàm Nghi,  
Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1,  
Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060